

Quyết định giám đốc thẩm

số: 31/2022/DS-GĐT

Ngày 22-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- *Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuân;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Ngô Hồng Phúc;

Bà Lương Ngọc Trâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp M2, xã MHN, huyện DH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Như H1, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 99, Ấp 1, xã AH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa DL; trụ sở tại: Ấp TH, xã DLT, huyện DH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 77, phường M, thành phố TA, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp SĐ, thị trấn HN, huyện DH, tỉnh Long An.

2. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp CH, xã TM, huyện DH, tỉnh Long An.

3. Bà Lê Thị Ánh T1, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp GL, xã MHN, huyện DH, tỉnh Long An.

4. Chị Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp 4, xã ĐHĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

5. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp GL, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phan Thị H (do ông Huỳnh Như H1 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Từ cuối năm 2014, bà Nguyễn Thị Hồng T đã nhiều lần mượn tiền của bà H. Cụ thể:

Ngày 22/11/2015, bà T mượn của bà T 2.495.000.000 đồng. Khi mượn có ghi tên ông Q là chồng của bà T, bà T chỉ ghi tên ông Q nhưng thực tế không có mặt ông Q, ông Q cũng không ký nhận. Giấy mượn tiền có đóng dấu của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL (viết tắt là Công ty ĐL), bà T mượn tiền để làm dự án cho Công ty ĐL. Ngoài ra, bà T đại diện cho Công ty ĐL mượn của bà H số tiền 1.500.000.000 đồng, không làm giấy tờ.

Ngày 22/8/2014, bà Lê Thị Ánh T1 và chị Nguyễn Ngọc T2 ký hợp đồng cho bà T mượn 2.500.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2016, bà T1 và chị T2 thỏa thuận chuyển quyền cho bà H, theo đó bà H sẽ là người cho bà T vay số tiền 2.500.000.000 đồng và bà H sẽ trả số tiền 2.500.000.000 đồng lại cho chị T2 và bà T1. Chị T2 giao lại cho bà H giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số BV515043 và BV515044 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty ĐL ngày 21/8/2014 mà bà T đã thế chấp cho chị T2 và bà T1 để vay tiền.

Sau nhiều lần mượn tiền của bà H đến ngày 02/3/2017 bà T đại diện cho Công ty ĐL ký giấy xác nhận nợ bà H số tiền 14.000.000.000 đồng, khi bà T ký giấy nhận nợ có ghi chú “*chỉ xài 1 giấy này, còn giấy cũ bỏ hết*” nên bà H đã bỏ hết giấy nợ mà trước đây bà T ký nhận. Khi bà T ký giấy xác nhận nợ có thỏa thuận miệng trong vòng một tháng sẽ trả hết số tiền này cho bà H nhưng sau một tháng bà H có đòi nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả.

Ngày 28/01/2015, bà T ký giấy nhận cọc với ông Trần Văn C, có nội dung: Bà T chuyển nhượng cho ông C 11.457m² đất, bà T nhận của ông C số tiền 16.900.000.000 đồng. Ông C chỉ đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thay cho bà H, thực chất số tiền 16.900.000.000 đồng mà ông C giao cho bà T là tiền của bà H.

Do đó, bà H yêu cầu bà T trả số tiền 30.900.000.000 đồng.

Ngày 17/6/2017, bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà H không yêu cầu bà T trả số tiền 16.900.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 14.000.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2017, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H yêu cầu Công ty ĐL trả số tiền 14.000.000.000 đồng vì bà T là người đại diện cho Công ty ĐL mượn tiền của bà H, không phải cá nhân bà T mượn tiền cho bà T nên bà H yêu cầu Công ty ĐL trả số tiền 14.000.000.000 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL do bà Nguyễn Thị Hồng T đại diện trình bày:

Bà T xác nhận ngày 22/11/2015 có đại diện cho Công ty ĐL mượn bà H 2.495.000.000 đồng, để đầu tư cho dự án của Công ty ĐL; giấy mượn tiền có ghi tên ông Q là chồng của bà nhưng thực tế ông Q không ký tên và cũng không có mặt ông Q; bà T mượn tiền cho Công ty ĐL, không liên quan tới cá nhân bà T và ông Q.

Ngày 13/01/2016, tại Văn phòng công chứng ĐH, bà T ký nhận có mượn bà H và bà Nguyễn Thị T3 8.125.000.000 đồng, số tiền này bắt nguồn từ số tiền 2.495.000.000 đồng bà T mượn của bà H và số tiền 2.500.000.000 đồng bà T mượn của bà T1 và chị T2. Ngoài ra, bà T có mượn của bà T1 số tiền 2.100.000.000 đồng. Tổng ba khoản tiền này cộng lại và tiền lãi thành số tiền 8.125.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 13/01/2016 bà T nợ bà H, bà T1 và chị T2 là 8.125.000.000 đồng. Đồng thời, trong thời gian này bà T cùng bà H đi Hà Nội để làm thủ tục giấy tờ cho bệnh viện nên bà T có mượn thêm của bà H 1.500.000.000 đồng, không làm giấy mượn tiền. Tổng cộng bà T mượn bà H 3.995.000.000 đồng. Đối với giấy xác nhận nợ ngày 02/3/2017 bà T đại diện Công ty ĐL ký xác nhận nợ nhưng sau đó bà T phát hiện ra sai nội dung vì không có địa chỉ và năm sinh của bà H nên giấy này không có hiệu lực. Còn đối với dòng chữ “*chỉ xài 1 giấy này, còn giấy cũ bỏ hết*” vì trước đây bà T có ký nhiều giấy xác nhận nợ cho bà H, giấy xác nhận sau bà luôn ghi dòng chữ này. Nay bà T đồng ý trả cho bà H số tiền 3.995.000.000 đồng, bà T yêu cầu bà H trả lại cho bà T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV515043 và BV515044.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà xác định việc bà mượn tiền của bà H là mượn với tư cách đại diện cho Công ty ĐL để làm dự án cho Công ty, không phải mượn tiền với tư cách cá nhân nên về tư cách cá nhân bà không liên quan đến số nợ của Công ty ĐL đối với bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q trình bày: Theo giấy mượn tiền ngày 22/11/2015 có ghi tên ông cùng với bà T mượn tiền của bà H nhưng giấy chỉ ghi tên ông, thực tế ông không ký nhận mượn số tiền này nên ông không liên quan. Đối với Hợp đồng mượn tiền ngày 13/01/2016 giữa bà H với bà T ông có ký tên, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Ông xin vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh T1 trình bày: Việc bà H tranh chấp với bà T bà không biết gì và cũng không có ý kiến gì. Bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày: Chị xác nhận cùng với bà T1 cho bà T mượn 2.500.000.000 đồng và sau đó chuyển quyền này lại cho bà H như ông H1 đã trình bày. Khi bà T vay tiền có thể chấp cho chị 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV515043, BV515044. Sau khi bà H đưa lại cho chị và bà T1 số tiền 2.500.000.000 đồng thì chị đã giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà H. Nay chị đã chuyển quyền cho bà H đối với số tiền mà bà T vay, nên chị không có ý kiến cũng như yêu cầu gì trong vụ án này. Chị xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Bà xác nhận có cùng với bà H cho bà T và ông Q mượn số tiền 8.125.000.000 đồng. Nay bà H tranh chấp với bà T bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 31/10/2017, Tòa án nhân dân huyện ĐH quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H do ông Huỳnh Lê H1 đại diện theo ủy quyền về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL.

Buộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền 14.000.000.000 đồng.

Buộc bà Phan Thị H có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số BV 515043 và BV 515044 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL ngày 21/8/2014.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu trả số tiền nhận cọc 16.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2017, Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí.

Ngày 06/6/2018, Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 35/2021/KN-DS ngày 19/02/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân

sự phúc thẩm số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 139/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận Kháng nghị số 35/2021/KN-DS ngày 19/02/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An giữa nguyên đơn là bà Phan Thị H với bị đơn là Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có Văn bản số 06/TA-DS đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Ngày 11/01/2022, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Long An có Văn bản số 15/ĐĐBQH-TTĐN chuyển đơn của bà Phan Thị H đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 36/2022/KN-DS ngày 20/7/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Quyết định giám đốc thẩm số 139/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định giám đốc thẩm số 139/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/8/2015 của Công ty ĐL thì bà T là thành viên góp vốn tỷ lệ 99,14%/tổng số vốn góp. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2017, bà T trình bày là bà T mượn tiền để làm dự án đầu tư cho Công ty ĐL, nên Công ty ĐL có trách nhiệm trả. Tại giấy nhận nợ ngày 02/3/2017, bà T xác nhận nợ bà H 14.000.000.000 đồng, bà T ký tên và

đóng dấu của Công ty ĐL. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/02/2018, bà Phạm Thị L là đại diện theo ủy quyền của Công ty ĐL cũng xác định bà T vay tiền để hoạt động Công ty. Như vậy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận bà T đại diện cho Công ty ĐL vay tiền của bà H và bà H có giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty ĐL để đảm bảo cho khoản tiền vay. Các đương sự chỉ không thống nhất về khoản tiền nợ: Bà H cho rằng Công ty ĐL còn nợ bà H 14.000.000.000 đồng, có giấy xác nhận nợ đề ngày 02/3/2017; Công ty ĐL và bà T cho rằng Công ty ĐL chỉ nợ bà H số tiền 3.995.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho bà H 3.995.000.000 đồng, giấy xác nhận nợ đề ngày 02/3/2017 được lập là do bị ép buộc nhưng Công ty ĐL và bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh bị ép buộc ký giấy xác nhận nợ. Mặt khác, bà T cũng thừa nhận bà viết dòng chữ “*Chỉ xài 1 giấy này, còn giấy cũ bỏ hết*” vì trước đây bà T có ký nhiều giấy xác nhận nợ cho bà H nên bà viết dòng chữ này, những giấy tờ trước không có hiệu lực, giấy xác nhận nợ nào bà T cũng ghi dòng chữ này. Như vậy, có căn cứ xác định bà T đại diện Công ty ĐL nhiều lần vay tiền của bà H và khi viết giấy xác nhận nợ sau thì giấy xác nhận nợ cũ sẽ bị hủy bỏ không còn giá trị. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty ĐL trả bà H 14.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV515043 và BV515044 ngày 21/8/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty ĐL: Bà T thế chấp cho chị T2, bà T1 để vay của chị T2, bà T1 2.500.000 đồng. Chị T2, bà T1 thỏa thuận bà H sẽ trả số tiền 2.500.000.000 đồng lại cho chị T2, bà T1 và chị T2, bà T1 giao lại cho bà H giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, bà H là người đang chiếm giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và trong quá trình giải quyết vụ án Công ty ĐL yêu cầu bà H trả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà H có trách nhiệm trả lại cho Công ty ĐL hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[3] Quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng cần làm rõ khoản nợ là của cá nhân bà T hay của Công ty ĐL, từ đó hủy Bản án dân sự sơ thẩm và Bản án dân sự phúc thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đánh giá chứng cứ không toàn diện, đầy đủ, không phù hợp với tình tiết khách quan và bản chất vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343 và Điều 344 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 36/2022/KN-DS ngày 20/7/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 139/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ

án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Phan Thị H với bị đơn là Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa ĐL và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 80/2018/DS-PT ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- TAND huyện ĐH, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện ĐH, tỉnh Long An;
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Vụ Tổng hợp TANDTC (kèm hồ sơ vụ án);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKT II TANDTC (2 bản), TKTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuận